TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/DS-PT
Ngày 29-3-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Anh Ửng

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký viên Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản",* do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 31-5-2023 của Toà án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2024/QĐ-PT ngày 03-01-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 29/2024/QĐ-PT ngày 23-02-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn C; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện S, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn C, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phan Anh C, đường L, phường T, thành phố G, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Viết N; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện S, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị P; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện S, tỉnh Đăk Nông – Có mặt;

- Ông Huỳnh Vũ Phi H; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện S, tỉnh Đăk Nông – Có đơn đề nghị vắng mặt;

- Bà Ung Thị Thùy C; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện S, tỉnh Đăk Nông – Có đơn đề nghị vắng mặt.

4. Do có kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Viết N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-9-2022 (Tòa án nhận trực tiếp ngày 26-9-2022) và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 12-3-2018, ông Nguyễn Viết N đến nhà ông Huỳnh Văn C chốt nợ số tiền 56.740.000 đồng, lập giấy có chữ ký của ông N. Sau đó, ông N tiếp tục mua thuốc bảo vệ thực vật và phân bón nhiều lần tổng nợ là 7.350.000 đồng và có trả số tiền 19.000.000 đồng, số tiền còn lại hẹn trả sau. Quá trình chốt nợ và mua bán hai bên thoả thuận lãi suất là 1,5%/tháng tính từ thời điểm ngày 01-01-2018. Đến hẹn ông C nhiều lần yêu cầu ông N thanh toán các khoản tiền nọ còn lại nhưng ông N không trả. Ông C khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Viết N phải trả số tiền gốc còn nợ qua các lần là 45.090.000 đồng và lãi phát sinh đến thời điểm khởi kiện tạm tính 38.552.000 đồng, tổng cộng 83.642.000 đồng. Ngày 16/5/2023 ông C có đơn thay đổi yêu cầu tính lãi, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P trình bày sáng ngày 23-02-2019 bà P đến nhà trả số tiền 19.000.000 đồng, nhưng không có ông C ở nhà, chỉ có anh Huỳnh Vũ Phi H và anh H nhận số tiền này là không dùng, vì sáng hôm đó ông C ở nhà và nhận số tiền 16.000.000 đồng chứ không phải 19.000.000 đồng, có viết phiếu nhận tiền ngày 23-02-2019.

2. Đối với bị đơn ông Nguyễn Viết N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

3. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P trình bày:

Bà P thừa nhận ông N có nợ tiền mua phân bón của ông C nhưng không thừa nhận giấy nhận nợ do ông C cung cấp cho Toà án là ông N còn nợ ông C số tiền 56.740.000 đồng, vì bà đứng ra nhận nợ cho ông N và đã trả hết nợ cho ông C, cụ thể buổi sáng ngày 23-02-2019 bà đến nhà trả tiền thì ông C không có ở nhà, bà gặp con ông C và trả cho con ông C số tiền 19.000.000 đồng, đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, bà xuống nhà ông C, lúc đó có bố con ông C ở nhà, bà đã trả hết số tiền còn lại. Tuy nhiên, ông C không viết giấy ghi nhận nội dung trả nợ chỉ đưa bà mỗi hóa đơn ngày 23-02-2019, ông C nói với bà đã trả hết rồi, chỗ anh em thân tình tin tương nhau viết giấy làm gì, để ông C xoá số sau. Số nợ 56.740.000 đồng là nợ cũ năm 2017 chuyển qua, bắt đầu tính lãi từ ngày 01-01-2018 âm lịch, lãi suất là 1,5%/tháng, mua năm nào tính lãi năm đó, lãi suất thỏa thuận bằng miệng không ghi giấy tờ. Bà P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C.

4. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

4.1. Anh Huỳnh Vũ Phi H: Bà P khai ngày 23-02-2019 có đến nhà đưa cho anh H số tiền 19.000.000 đồng là không đúng, ông C có ở nhà và nhận số tiền 16.000.000 đồng. Trong kinh doanh, anh H có phụ ông C buôn bán và ghi sổ nhưng anh H không có nhận tiền.

4.2. Bà Ung Thị Thùy C: Việc kinh doanh của ông C bà C không có tham gia, bà chỉ lo nội trợ trong gia đình.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 31-5-2023 của Toà án nhân dân huyện Đăk Song quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Viết N phải trả cho ông Huỳnh Văn C tổng cộng số tiền là 58.188.127 đồng, gồm tiền gốc là 45.090.000 đồng và tiền lãi là 17.488.127 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 10-11-2023, Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Viết N và bà Phạm Thị P, nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày bổ sung: Về nội dung khởi kiện của ông C thì ông N, bà P khẳng định đã trả nợ xong; ngoài ra, ông N trình bày đối với số nợ 7.350.000 đồng năm 2018 là số tiền mua hàng năm 2018. Đồng thời, ông bà trình bày ngày 31-5-2023 có đến Tòa án nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa nhưng Thư ký Tòa án thông báo cho ông bà hoãn phiên tòa nên ông bà ra về; sau đó, Tòa án nhân dân huyện Đăk Song tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông bà là vi phạm pháp luật. Ông N, bà P đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông bà. Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ đã trả nợ cho nguyên đơn ngoài hóa đơn ngày 23-02-2019 (thể hiện đã trả số tiền 16.000.000 đồng). Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả số tiền còn nợ lại theo quy định của pháp luật: Trong 02 khoản tiền ông N nợ ông C, có khoản tiền 56.740.000 đồng vào ngày 12-3-2018 giữa hai bên chốt nợ và có xác định lãi suất là 1,5%; còn số tiền 7.350.000 đồng mua hàng năm 2018 không có thỏa thuận lãi suất. Theo thỏa thuận giữa ông C và ông N thì mức lãi suất 1,5% không vượt quá mức quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Do đó, khi nguyên đơn yêu cầu Tòa án tính lãi theo pháp luật, Tòa án phải chấp nhận mức lãi suất thỏa thuận này nhưng Tòa án chỉ tính lãi suất 0,83% (đây là trường hợp áp dụng lãi chậm trả khi không có thỏa thuận lãi suất) đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Đồng thời, tại thời điểm chốt nợ ngày 12-8-2018 các bên thỏa thuận lãi suất và trong quá trình giải quyết nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật; lẽ ra, Tòa án phải tính lãi suất từ ngày 12-8-2018

trên số tiền 56.740.000 đồng cho đến ngày 23-02-2019 (ngày bị đơn trả 16.000.000 đồng) và tính tiếp lãi suất trên số tiền 40.740.000 đồng từ ngày 23-02-2019 đến ngày xét xử. Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm chỉ tính lãi suất trên số tiền 40.740.000 đồng từ ngày 23-02-2019 cho đến khi xét xử là được lợi cho ông N và bà P. Mặt khác, tại phần quyết định Tòa án chỉ tuyên bị đơn trả cho nguyên đơn 58.188.127 đồng là thiệt hại cho nguyên đơn 4.390.000 đồng. Mặc dù, các nội dung này ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nhưng nguyên đơn đều không kháng cáo. Đối với nội dung kháng cáo bà P cho rằng bà chỉ đến Tòa án cấp sơ thẩm làm việc một lần, những lần làm việc còn lại bà không nhận được giấy triệu tập nào của Tòa án. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử bà có đến Tòa nhưng phiên tòa bị hoãn. Từ đó, gia đình bà không biết gì đến việc xét xử. Sau khi ông, bà nhận được quyết định thi hành án của Chi cục thi hành án thì ông, bà mới biết vụ án đã được xét xử. Ngày 10-11-2023 ông, bà mới được nhận bản án sơ thẩm. Nhận thấy việc xét xử của cấp sơ thẩm không có mặt ông, bà là không đảm bảo quyền lợi của gia đình ông, bà. Đối với nội dung này, qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: Tại biên bản xác mình ngày 29-5-2023 thể hiện: ngày 16-5-2023 Tòa án cấp sơ thẩm gửi Quyết định hoãn phiên tòa số 41 cho bị đơn ông N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P. Ngày 17-5-2023 ông N, bà P đã nhận được báo phát. Ngày 31-5-2023, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà P nhưng không tiến hành tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vi phạm Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Tuy nhiên, ông N, bà P cũng đã thực hiện được quyền kháng cáo của mình nên xét thấy vi phạm này cũng không làm thay đổi bản bản chất vụ việc nên cần kiến nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của ông N, bà P, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm và Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm trong việc giải quyết, xét xử vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về đơn kháng cáo: Bản án sơ thẩm xét xử ngày 31-5-2023, ông N, bà P vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; ngày 10-11-2023, ông N, bà P nhận được bản án sơ thẩm; cùng ngày, ông bà kháng cáo (nộp trực tiếp tại Tòa án) là trong thời hạn kháng cáo theo quy định pháp luật; ông bà đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, kháng cáo của ông bà là hợp lệ, thuộc trường hợp Tòa án phúc thẩm xem xét, giải quyết.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông N, bà P kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông thuộc trường hợp Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông thụ lý, giải quyết.

[3]. Về nội dung kháng cáo:

[3.1]. Ông N, bà P cho rằng đã trả hết nợ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, đối với Hóa đơn ngày 23-02-2019 bà P cung cấp cho Tòa án (bút lục số 44) chỉ xác định ông N trả số tiền 16.000.000 đồng và ông C thừa nhận ông N trả thêm số tiền 3.000.000 đồng, như vậy tổng số tiền ông N còn nợ ông C là 45.090.000 đồng.

[3.2]. Về việc triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với ông N, bà P:

[3.2.1]. Theo đơn kháng cáo ông N, bà P trình bày: ông bà có đến Tòa án nhân dân huyện Đăk Song 01 lần nhưng hoãn phiên tòa và không được nhận quyết định hoãn phiên tòa, sau đó ông bà không biết thông tin về việc mở lại phiên tòa; đến khi nhận được quyết định thi hành án ông bà mới biết vụ án đã được xét xử và ngày 10-11-2023 ông bà mới nhận bản án là không đảm bảo quyền lợi cho ông bà.

[3.2.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N, bà P trình bày bổ sung: ngày 31-5-2023, ông bà có đến Tòa án nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa nhưng Thư ký Tòa án thông báo cho ông bà hoãn phiên tòa nên ông bà ra về. Sau đó, Tòa án nhân dân huyện Đăk Song tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông bà là vi phạm pháp luật.

[3.2.3]. Tuy nhiên, tại Biên bản xác minh ngày 29-5-2023 (bút lục số 77a, 77b) thể hiện Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2023/QĐST-DS ngày 16-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song phát thành công cho ông N, bà P vào hồi 13 giờ 18 phút ngày 17-5-2023; tại biên bản làm việc ngày 26-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xác minh Tòa án nhân dân huyện Đăk Song không lắp camera khu vực cơ quan, phòng xét xử dân sự và Thẩm phán Trần Đình Minh, Thư ký Hà Thị Thúy Nga trình bày phiên tòa sơ thẩm mở ngày 31-5-2023 ông N, bà P không đến tham gia phiên tòa và không báo lý do.

[3.2.4]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông N, bà P về việc yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4]. Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy: Mức lãi suất Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng 0,83%/tháng đối với số tiền 40.740.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật, do mức lãi suất 1,5%/tháng là chữ viết của ông C, bị đơn ông N không có lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm nên không xem đây là thỏa thuận giữa các đương sự làm căn cứ xác định lãi suất chậm trả trong việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đối với thời điểm xác định ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ: Ngày 12-3-2018, hai bên chốt nợ số tiền 56.740.000 đồng nhưng lúc này hai bên chưa phát sinh tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm phát sinh tranh chấp là ngày 23-02-2019 (ngày bà P trả thay ông N cho ông C số tiền 16.000.000 đồng) và bản án sơ thẩm đã quyết định về số tiền lãi 17.488.127 đồng là có căn cứ pháp luật. Ông C không có kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

[5]. Về thời hạn giao bản án: Bản án xét xử ngày 31-5-2023, ông N, bà P vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; ngày 10-11-2023, ông N, bà P nhận được bản án sơ thẩm (nhận trực tiếp tại Tòa án) nhưng không có căn cứ chứng minh cho việc tống đạt bản án chậm, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông N, bà P phải chịu án phí phúc thẩm và được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

[7]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật để từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Bác kháng cáo của ông Nguyễn Viết N, bà Phạm Thị P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 31-5-2023 của Toà án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông:

1.1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Viết N phải trả cho ông Huỳnh Văn C tổng số tiền 58.188.127đ (*Năm mươi tám triệu một trăm tám mươi tám nghìn một trăm hai mươi bảy đồng*), gồm tiền nợ gốc là 45.090.000 đồng và tiền lãi theo quy định là 17.488.127 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc ông Nguyễn Viết N phải chịu 2.909.406đ (*Hai triệu chín trăm không chín nghìn bốn trăm không sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Huỳnh Văn C 2.091.000đ (*Hai triệu không trăm chín mốt nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai số: 0001779 ngày 21-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Đăk Nông.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc ông Nguyễn Viết N và bà Phạm Thị P mỗi người phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tổng số tiền 600.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số: 0001483 ngày 14-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Đăk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đăk Song;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, TDS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Chương